

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ THƯ'
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30-6-2022

V/v: Ly hôn giữa chị Đoàn Thị T và anh

Nguyễn Công D

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V , TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thoan;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Láng;

2. Bà Nguyễn Thị Nhiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tho - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 41/2022/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2022 về: “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2022/QĐXX - ST ngày 08 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2022/QĐXX - ST ngày 23 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị T, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Công D, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Thôn Phú C, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 02 năm 2022, bản tự khai đề ngày 10 tháng 3 năm 2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là Chị Đoàn Thị T trình bày như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Công D kết hôn tự nguyện, đăng ký tại UBND xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 22 tháng 5 năm 2019. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau tại gia đình anh D ở thôn Phú C, xã H. Vợ chồng hòa thuận được 07 tháng thì xảy ra mâu thuẫn do hai bên tính tình không hợp, luôn xảy ra bất đồng. Anh D và người vợ trước đây đã ly hôn nhưng cũng chưa chấm dứt quan hệ tình cảm. Vì vậy, từ tháng 01 năm 2020, chị đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Nay chị xác định không thể tiếp tục chung sống với anh D được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

1.2 Về quan hệ con chung: Chị và anh Nguyễn Công D không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3 Về quan hệ tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại biên bản lấy lời khai ngày 01 tháng 6 năm 2022, bị đơn là anh Nguyễn Công D trình bày:

2.1 Về thời gian, điều kiện kết hôn giữa anh và chị T đúng như chị T đã trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 05 tháng thì không hiểu vì lý do gì chị T tự bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn T, xã N sinh sống. Anh đã liên lạc, động viên nhưng chị T vẫn không quay về. Anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ nên anh đồng ý ly hôn với chị T.

2.2 Về con chung: Anh và Chị Đoàn Thị T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3 Về tài sản: Anh và chị T không có tài sản chung, không có khoản nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, đại diện UBND xã và cơ sở thôn cung cấp như sau: Giữa chị T và anh D có xảy ra nhiều mâu thuẫn nhưng nguyên nhân xuất phát từ ai hay vì lý do gì thì địa phương không rõ. Hiện chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã N sinh sống, còn anh D làm nghề xây dựng tại địa phương. Đề nghị Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh D theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị T và anh D không có con chung.

Về tài sản: Theo địa phương nắm được, chị T và anh D không có tài sản chung. Anh chị không có khoản nợ chung đối với tổ chức xã hội nào tại địa phương.

*** *Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện V phát biểu quan điểm:***

- Về tố tụng: Thẩm phán và HĐXX, nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã có lời khai thể hiện quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị:

+ Quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho Chị Đoàn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Công D.

+ Quan hệ con chung: Chị T và anh D không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

+ Quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết do chị T và anh D đều không có yêu cầu.

+ Án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Chị Đoàn Thị T có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Công D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn Phú C, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình. Vì vậy, căn cứ vào căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

2. Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị T và anh Nguyễn Công D đăng ký tại UBND xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 22 tháng 5 năm 2019 là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, thiếu sự cảm thông, chia sẻ với nhau. Anh chị đã sống ly thân, mỗi người một nơi từ đầu năm 2020 đến nay và không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm. Bản thân chị T và anh D đều xác định vợ chồng không còn tình cảm và không ai mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Xét thực trạng quan hệ vợ chồng của chị T và anh D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình để xử cho chị T được ly hôn anh D.

[2.2] Quan hệ con chung: Do chị T và anh D không có con chung nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[2.3] Quan hệ tài sản: Do anh D và chị T đều không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Chị T và anh D có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn khi cần thiết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 ; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án:

1. Quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa Chị Đoàn Thị T và anh Nguyễn Công D.

2. Quan hệ con chung: Chị Đoàn Thị T và anh Nguyễn Công D không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

3. Quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Đoàn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tại biên lai số 0001098 ngày 10 tháng 3 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Đoàn Thị T và anh Nguyễn Công D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện V;
- Chi cục THA Dân sự huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã H, huyện V;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ; Lưu HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)